

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2)**Phòng thi:** B1.401**Môn thi:** Kỹ năng nghe**Ca thi:** 9h45**Ngày thi:** 16/12/2020

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	Nguyễn Đức	Trung	29/6/1997			
2	TA0002	Ninh Duy	Tuấn	08/3/1997			
3	TA0003	Nguyễn Ngọc	Khánh	12/06/1997			
4	TA0004	Tạ Đình	Thành	20/03/2000			
5	TA0005	Đào Duy	Dương	30/08/1998			
6	TA0006	Trần Hoàng	Anh	27/09/1998			
7	TA0007	Lê Tú	Tuyền	11/04/1998			
8	TA0008	Phí Hương	Thảo	26/07/1998			
9	TA0009	Nguyễn Thị Thảo	Quỳnh	15/06/1998			
10	TA0010	Hoàng Thanh	Nga	05/05/1998			
11	TA0011	Đàm Thị Thu	Hà	04/08/1998			
12	TA0012	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	04/02/1998			
13	TA0013	Phạm Thị	Thảo	24/10/1998			
14	TA0014	Đặng Hà	Duyên	15/08/1998			
15	TA0015	Nguyễn Nam	Hải	27/05/1998			
16	TA0016	Nguyễn Đại	Dương	12/11/1997			
17	TA0017	Nguyễn Thị Hà	Thu	05/10/1997			
18	TA0018	Cao Minh	Tiến	29/4/1997			
19	TA0019	Vũ Hoàng	Khánh	25/11/1997			
20	TA0020	Cao Minh	Tiến	29/04/1997			
21	TA0021	Phạm Như	Hoàng	26/08/1998			
22	TA0022	Nguyễn Hoa	Phượng	29/11/1998			
23	TA0023	Hoàng Minh	Hiếu	06/07/1998			
24	TA0024	Nguyễn Thị Huyền	Trang	11/11/1998			
25	TA0025	Đào Tiến	Lâm	05/11/1998			
26	TA0026	Nguyễn Cẩm	Tú	22/08/1998			
27	TA0027	Nguyễn Đức	Hiển	24/7/1998			
28	TA0028	Lý Trần	Thiên	31/08/1998			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)